

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 외국인근로자의 고용 등에 관한 법률 시행규칙 [별지 제7호서식] <개정 2024. 1. 10.> EPS시스템(www.eps.go.kr)에
■ Thông tư hướng dẫn Luật Tuyển dụng người lao động nước ngoài [Mẫu đính kèm số 7] 서도 신청할 수 있습니다
<Sửa đổi 2024. 1. 10.> ※ Có thể đăng ký trên hệ thống EPS (www.open.go.kr)

외국인근로자 고용허가기간 연장신청서

ĐƠN XIN GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

※ 뒤쪽의 작성방법을 읽고 작성하시기 바라며, []에는 해당되는 곳에 √ 표를 합니다. (앞쪽)
※ Vui lòng đọc cách điền đơn ở mặt sau trước khi điền và đánh dấu √ vào [] tương ứng. (Mặt trước)

고용허가서 발급번호 Số giấy phép lao động	고용허가기간 Thời hạn giấy phép lao động	처리기간 Thời gian xử lý	7일 7 ngày
-------------------------------------	---------------------------------------	-------------------------	--------------

주된 사업장 (사업주) Nơi làm việc chính (chủ doanh nghiep)	고용보험사업장 관리번호 Số quản lý doanh nghiệp tham gia bảo hiểm việc làm	사업자등록번호 Số đăng ký kinh doanh
	사업장명 Tên địa điểm kinh doanh	대표자 Người đại diện

고용허가
기간연장
사업장
Nơi làm
việc gia
hạn giấy
phép lao
động

고용보험사업장 관리번호 Số quản lý doanh nghiệp tham gia bảo hiểm việc làm		사업자등록번호(주민등록번호) Số đăng ký kinh doanh (số chứng minh thư Hàn)	
사업장명 Tên địa điểm kinh doanh		대표자 Người đại diện	
소재지 □□□-□□□ Địa chỉ □□□-□□□		연락처 Số điện thoại	전화번호 Số điện thoại
			휴대전화번호 Số di động
			전자우편 Email
업종 Lĩnh vực		사업내용 Nội dung kinh doanh	
상시 근로자 수 Số người lao động thường trực	총 Tổng	명 (내국인근로자: 명, 외국인근로자(연수생 포함): 명) người (người lao động Hàn Quốc: người, người lao động nước ngoài (bao gồm tu nghiệp sinh): người)	
가입 보험 Bảo hiểm tham gia		[]고용 []산재 []건강 []출국만기 []보증 [] Việc làm [] Tai nạn [] Sức khỏe []Mãn hạn xuất cảnh [] Bảo lãnh	

외국인 근로자 인적사항 Thông tin cá nhân người lao động nước ngoài	성명(영어) Họ tên (tiếng Anh)		국적 Quốc tịch	
	한국 내 주소 Địa chỉ ở Hàn Quốc		한국 내 전화번호 Số điện thoại ở Hàn Quốc (전자우편) (Thư điện tử)	
	입국일 Ngày nhập cảnh		외국인등록번호 Số đăng ký người nước ngoài	
	휴대전화번호 Số di động		여권번호 Số hộ chiếu	
	가입 보험 Bảo hiểm tham gia	☐ 상해 ☐ 귀국비용 ☐ Thương tật ☐ Chi phí hồi hương		

「외국인근로자의 고용 등에 관한 법률 시행령」 제17조제2항 및 같은 법 시행규칙 제9조제1항에 따라 위와 같이 외국인근로자 고용허가기간 연장을 신청합니다.

Tôi xin gia hạn giấy phép lao động của người lao động nước ngoài như trên theo khoản 2 Điều 17 của Nghị định hướng dẫn “Luật Tuyển dụng người lao động nước ngoài” và khoản 1 Điều 9 Thông tư hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

신청인
Người đăng ký

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

○○지방고용노동청(○○지청)장 귀하
Kính gửi Giám đốc Sở (văn phòng chi nhánh ○○) Việc làm và Lao động khu vực ○○

신청인 제출서류 Hồ sơ người đăng ký nộp	1. 갱신된 근로계약서 사본, 2. 외국인등록증 사본, 3. 여권 사본 1. Bản sao hợp đồng lao động mới, 2. Bản sao Thẻ đăng ký người nước ngoài, 3. Bản sao hộ chiếu	수수료 없음 Không mất phí
담당 공무원 확인사항 Nội dung cán bộ phụ trách xác nhận	사업자등록증 Chứng nhận đăng ký kinh doanh	

행정정보 공동이용 동의서 Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính	
본인은 이 건 업무처리와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 위의 담당 공무원 확인 사항을 확인하는 것에 동의합니다. *동의하지 아니하는 경우에는 신청인이 직접 관련 서류를 제출하여야 합니다.	
Để xử lý các công việc liên quan đến đơn này, tôi đồng ý việc người phụ trách kiểm tra các hồ sơ xác nhận dành cho người phụ trách kiểm tra bên trên thông qua sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử”. * Nếu không đồng ý, người làm đơn phải nộp trực tiếp các hồ sơ liên quan.	
신청인 Người đăng ký	(서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)

작성방법
Cách điền đơn

1. 고용허가서 발급번호란과 고용허가기간란은 외국인근로자 고용허가서와 동일하게 작성하기 바랍니다.
1. Vui lòng điền mục Số giấy phép lao động và Thời hạn giấy phép lao động giống như trên giấy phép lao động của người lao động nước ngoài.
2. 외국인근로자 고용허가기간 연장신청서 제출 후 사정 변경 등으로 신청내용을 취소하거나 변경하려는 경우에는 즉시 신청기관으로 통지 바랍니다.
2. Sau khi xin gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, nếu muốn hủy hoặc thay đổi nội dung đăng ký do hoàn cảnh thay đổi, vui lòng thông báo ngay cho cơ quan đăng ký.
3. 거짓으로 외국인근로자 고용허가를 받은 경우 「외국인근로자의 고용 등에 관한 법률」 제19조제1항제1호에 따라 외국인근로자 고용허가가 취소될 수 있으며, 같은 법 제20조제1항제2호에 따라 3년간 외국인근로자의 고용이 제한될 수 있습니다.
3. Trường hợp nhận được giấy phép lao động của người lao động nước ngoài do khai báo nội dung không đúng sự thật, giấy phép lao động của người lao động nước ngoài có thể bị hủy theo điểm 1 khoản 1 Điều 19 Luật Tuyển dụng người lao động nước ngoài và người lao động nước ngoài có thể bị hạn chế tuyển dụng trong 3 năm theo điểm 2 khoản 1 Điều 20 Luật này.
4. 외국인근로자를 고용한 사업주는 반드시 출국만기보험 또는 신탁 및 보증보험에 가입하여야 합니다.
4. Chủ doanh nghiệp tuyển dụng người lao động nước ngoài bắt buộc phải đăng ký bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh hoặc tham gia quỹ tín thác và bảo hiểm bảo lãnh.
5. 고용허가제에 의하여 입국한 외국인근로자는 반드시 상해보험 및 귀국비용보험 또는 신탁에 가입하여야 합니다.
5. Người lao động nước ngoài nhập cảnh theo hệ thống giấy phép lao động bắt buộc phải đăng ký bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm chi phí về nước hoặc quỹ tín thác.
- ※ 고용허가기간 연장허가 확정 시, 이미 가입하고 있던 출국만기보험등에 추가로 가입하지 않아도 보험기간이 자동 연장되어 연장기간에 대한 출국만기보험등의 보험료가 출금됩니다.
- ※ Khi giấy phép lao động được gia hạn, thời hạn bảo hiểm sẽ tự động được gia hạn và phí bảo hiểm cho thời gian gia hạn sẽ được thu mà không cần đăng ký thêm đối với bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh, v.v. đã đăng ký trước đây.

처리절차
Quy trình xử lý

이 신청서는 아래와 같이 처리됩니다.
Đơn đăng ký này được xử lý như sau.



